

Bản án số: 178/2021/HS-PT

Ngày: 27/4/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Bùi Đức Nam

2. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2021/HS-PT ngày 10/3/2021 đối với bị cáo Trần Thị A, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1574/2021/QĐXXPT-HS ngày 12/4/2021, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 12/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thị A**; tên gọi khác: không; giới tính: nữ; sinh ngày 09/6/1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; học vấn: 00/12; nghề nghiệp: bán vé số; con ông Dương Châu D (chết) và bà Trần Thị E (chết); hoàn cảnh gia đình: chung sống như vợ chồng với ông Phan Ngọc G nhưng không đăng ký kết hôn (từ năm 2011 đến nay không còn chung sống nữa, ông Hậu bỏ đi đâu không rõ), có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Tháng 01/1994 đến tháng 8/1994, bị Công an Quận C bắt đi phục hồi nhân phẩm về hành vi hành nghề mại dâm; tháng 8/1996 đến tháng

8/1997, bị Công an Quận C bắt đi phục hồi nhân phẩm về hành vi hành nghề mại dâm;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/10/2020;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có liên quan đến kháng cáo:

Bị hại: Bà **Lương Thị Mỹ L**; sinh năm 1998; nơi cư trú: Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị A hành nghề bán vé số dạo. Vào khoảng 19 giờ 40 ngày 24/9/2020, bị cáo đi bộ từ nhà đến tiệm Photocopy, số 322A đường Nguyễn Tất Thành, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để photo giấy dò kết quả xổ số. Tại đây, bị cáo phát hiện bên trong giỏ xách của chị Lương Thị Mỹ L (đang để trên ghế) có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, màu hồng, ốp lưng nhựa màu nâu. Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị L. Để thực hiện ý định này, bị cáo đi ra phía sau lưng chị L, dùng tay phải lén lấy chiếc điện thoại của chị L. Lấy xong, bị cáo giả vờ hỏi mượn anh Lê Văn Nhân (nhân viên của tiệm photocopy) 50.000đ. Anh Nhân không cho mượn. Sau đó, bị cáo cầm điện thoại ra khỏi tiệm photocopy, đi đến nơi con gái của bị cáo là Phan Thị Kim Ngân làm việc (phụ bán đá bào) tại số 10A đường Xóm Chiếu, Phường B, Quận C, giấu chiếc điện thoại ở trong nhà vệ sinh, rồi đi bộ về nhà.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị L đến Công an Phường B, Quận C trình báo. Sau khi xem lại hình ảnh do camera ở tiệm photocopy ghi nhận được, Công an Phường B, Quận C mời bị cáo đến trụ sở để làm việc, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đưa lực lượng Công an đến nơi cất giấu chiếc điện thoại để thu hồi.

Theo Kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận C kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 11 Pro Max, đã qua sử dụng, có trị giá 19.000.000đ.

Trong quá trình điều tra, cơ quan công an đã giao trả lại chiếc điện thoại cho chị L; chị L không có ý kiến hoặc yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 31/12/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận C đã truy tố Trần Thị A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án

nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thị A 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

Ngày 08/02/2021, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cho bị cáo mức án phù hợp để bị cáo có điều kiện nuôi 2 con nhỏ; chồng bị cáo đã bỏ đi, bị cáo không có việc làm ổn định phải đi bán vé số để nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo, cụ thể: Bị cáo xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo như sau: Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại có trị giá 19.000.000đ của bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Sau khi phạm tội và bị công an mời đến tra hỏi, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và chỉ điểm nơi cất giấu tài sản để công an thu hồi, thể hiện sự tích cực hợp tác để giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có thiếu sót nhưng mức án tuyên phạt là phù hợp.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên mức án tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng: Vào khoảng 19 giờ 40 ngày 24/9/2020, ở tại tiệm Photocopy, số 322A đường Nguyễn Tất Thành, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Lương Thị Mỹ L chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, với mục đích mang bán, lấy tiền sử dụng cho

cá nhân. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Quận C thì chiếc điện thoại vừa đề cập có trị giá 19.000.000đ.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[3]. Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội danh, điều khoản như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo không có chồng, không có nghề nghiệp ổn định, phải đi bán vé số dạo để kiếm tiền nuôi con còn nhỏ; từ nhỏ đến lớn, bị cáo không được đi học, không biết chữ, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

Trong vụ án này, ngay sau khi bị công an mời đến làm việc và tra hỏi, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và chỉ điểm nơi cất giấu tài sản để công an thu hồi trả lại cho bị hại. Việc này thể hiện bị cáo có sự tích cực hợp tác trong việc giải quyết vụ án nên cần áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Có đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo. Trong quá khứ, bị cáo là người có nhân thân không tốt, hành nghề mại dâm và bị chính quyền địa phương xử lý hành chính đưa vào trường phục hồi nhân phẩm để giáo dục. Tuy nhiên, sự việc đã xảy ra hơn 20 năm, không thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và ổn định cuộc sống gia đình.

[5]. Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Sửa bản án sơ thẩm số 12/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Thị A** 9 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận C;
- PC53 - CATP;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Chi Cục THA Quận C;
- TAND Quận C;
- Công an Quận C;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (21).

- (1)
- (1)
- (3)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (2)
- (1)
- (1)
- (1)
- (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân